

**Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp
của sinh viên: Nghiên cứu trường hợp sinh viên năm cuối của
Trường Đại học Bạc Liêu**

**Factors effecting students' entrepreneurial intention: Case of final year
student at Bac Lieu University**

Phạm Mỹ Phương¹*, Trang Nguyễn Bảo Ngọc¹

¹ Khoa Kinh tế, Trường Đại học Bạc Liêu,

* pmphuong@blu.edu.vn

Ngày nhận bài:

29/7/2023

Ngày chấp nhận đăng:

06/10/2023

ABSTRACT

It does not matter at what age someone should start a business, but it is ideal for him/her to start his/her own business during his/her student life. Because this is the period when people have health, flexible minds, the ability to receive, create, and work at full capacity. The above things resonate to create favorable conditions for people who want to start a business. Stemming from the above reason, the author studies the factors affecting the entrepreneurial intention of final year students at Bac Lieu University, in order to identify and evaluate the factors affecting their entrepreneurial intention. Therefore, making suggestions for governance to help motivate students of Bac Lieu University to have the opportunity and motivation to start a business instead of just choosing the path to work for organizations and units as before. Through qualitative and quantitative analysis, the study shows that there are 6 factors affecting the intention to start a business of undergraduate students, including personalities, attitude to entrepreneurship, capital, environment, education, perception of behavioral control, and feasibility. Among which, capital source and attitude towards entrepreneurship have the strongest influence on students' intention to start a business, feasibility and personality traits have the weakest influence. Vietnam also has a number of studies in the same field, but they are mainly conducted at universities in big cities such as Ho Chi Minh City (HCMC) or Can Tho, and currently there is no research about the entrepreneurial intention of students at Bac Lieu University. In addition, depending on the characteristics of each university as well as the circumstances of each locality, the factors affecting students' entrepreneurial intentions will also be approached from different aspects. For the above reasons, implementing the topic "Research on factors affecting students' entrepreneurial intentions: case study of final year students at Bac Lieu University" is necessary. The research results will provide school leaders with a comprehensive view of what factors truly influence students' entrepreneurial intentions, thereby providing appropriate support orientations to help students gain the necessary knowledge, skills and attitudes to use when starting a business in the future.

Keywords: *Intention, start-up, about to graduate, Bac Lieu University.*

TÓM TẮT

Khởi nghiệp trên thực tế không phân biệt độ tuổi là bao nhiêu, nhưng ở độ tuổi còn là sinh viên là khoảng lý tưởng nhất. Bởi đây là giai đoạn con người có sức khỏe, trí óc linh hoạt, khả năng tiếp nhận, sáng tạo hoạt động hết công suất. Những điều trên cộng hưởng lại tạo thành điều kiện thuận lợi cho người muốn khởi nghiệp. Xuất phát từ lý do trên tác giả nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối trường Đại học Bạc Liêu, nhằm xác định và đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của họ. Từ đó, đưa ra các đề xuất hàm ý quản trị giúp tạo động lực để sinh viên trường Đại học Bạc Liêu có cơ hội và động lực khởi nghiệp thay vì chỉ chọn con đường đi làm cho các tổ chức, đơn vị như trước đây. Thông qua phân tích định tính và định lượng, nghiên cứu chỉ ra có 6 nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên sắp tốt nghiệp, bao gồm đặc điểm tính cách, thái độ với khởi nghiệp, nguồn vốn, môi trường giáo dục, nhận thức kiểm soát hành vi và tính khả thi. Trong đó, nguồn vốn và thái độ với khởi nghiệp có ảnh hưởng mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp của sinh viên, tính khả thi và đặc điểm tính cách có ảnh hưởng yếu nhất. Việt Nam cũng có một số nghiên cứu cùng lĩnh vực nhưng chủ yếu đều thực hiện tại các trường đại học ở các thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM) hay Cần Thơ, và hiện tại chưa có một nghiên cứu đầy đủ nào về ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu. Ngoài ra, tùy theo đặc điểm của từng trường đại học cũng như hoàn cảnh từng địa phương mà các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên cũng sẽ được tiếp cận theo những khía cạnh khác nhau. Với những lý do trên, việc triển khai “Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên: nghiên cứu trường hợp sinh viên năm cuối trường Đại học Bạc Liêu” là cần thiết. Kết quả nghiên cứu sẽ mang đến cho lãnh đạo nhà trường cái nhìn toàn diện về những yếu tố nào thật sự ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên, từ đó đưa ra những định hướng hỗ trợ phù hợp, giúp sinh viên có được những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết làm hành trang khi khởi nghiệp sau này.

Từ khóa: Ý định, khởi nghiệp, sắp tốt nghiệp, Đại học Bạc Liêu

1. Giới thiệu

Hiện nay không ít những người trẻ khởi nghiệp thành công với những ý tưởng táo bạo. Các startup trẻ thành công đa số là những sinh viên đang ngồi trên giảng đường đại học ở các thành phố lớn. Từ những kiến thức được học từ trường lớp, cộng với sự đam mê và tìm tòi, những bạn trẻ này đã tạo nên thành tựu cá nhân đáng nể cho mình. Tuy nhiên những sinh viên ở các trường Tỉnh như trường Đại học Bạc Liêu thì vấn đề khởi nghiệp cũng chưa được phổ biến, chỉ một số ít sinh viên có các dự án start-up nhỏ còn lại đa phần vẫn còn nhút nhát chưa dám mạnh dạn triển khai mặc dù họ cũng có các ý tưởng.

Theo số liệu báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2021 của trường Đại học Bạc Liêu thì có 95,1% sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm. Trong số này, khu vực sinh viên sau khi tốt nghiệp làm việc nhiều nhất là khu vực tư nhân đạt 64,4%, khu vực nhà nước đạt 29,1% và chỉ có 1,6% sinh viên tự tạo việc làm sau tốt nghiệp.

Vấn đề được đặt ra trước bối cảnh hiện

tại là làm sao để tạo được động lực và các điều kiện để sinh viên có thể thực hiện các dự án start-up khi họ có ý tưởng và điều kiện? Xuất phát từ những vấn đề trên nhóm tác giả tiến hành thực hiện “**Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên: nghiên cứu trường hợp sinh viên năm cuối Trường Đại học Bạc Liêu**” với mong muốn tìm hiểu các yếu tố nào ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên, từ đó đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm giúp các sinh viên mạnh dạn thực hiện các dự án start-up của mình.

2. Phương pháp và mô hình nghiên cứu

2.1 Phương pháp thu thập số liệu

Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp: số liệu thứ cấp của đề tài được thu thập từ các nguồn: các bài luận văn thạc sĩ, các bài báo đăng trên tạp chí khoa học, các công trình nghiên cứu có liên quan đến đối tượng nghiên cứu, các nhận định, đánh giá của các nhà chuyên môn, quản lý trong lĩnh vực được thu thập.

Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp: nghiên cứu tiến hành thu thập dữ liệu với kích

cỡ mẫu là 307 đối tượng (sinh viên năm cuối trường Đại học Bạc Liêu). Phương pháp thu thập dữ liệu bằng bảng câu hỏi, điều tra trực tiếp phát phiếu khảo sát và thu lại ngay sau khi trả lời xong

2.2 Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng cả hai phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng.

Nghiên cứu định tính

Dựa vào các mô hình nghiên cứu trước đây về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối để rút ra các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối trường Đại học Bạc Liêu. Từ đó xây dựng bảng câu hỏi khảo sát sơ bộ.

Thực hiện phỏng vấn sơ bộ thông qua phát bảng câu hỏi cho 10 chuyên gia và 20 bạn là sinh viên đã tốt nghiệp tại trường Đại học Bạc Liêu mà bản thân đã thực hiện các start-up khi họ còn là sinh viên để điều chỉnh và bổ sung thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến ý định chọn nơi làm việc của sinh viên năm cuối trường Đại học Bạc Liêu.

Nghiên cứu định lượng

Trong quá trình nghiên cứu, nhóm tác giả đã sử dụng nghiên cứu định lượng bằng cách khảo sát dữ liệu sơ cấp với bảng câu hỏi được thiết kế dựa trên thang đo Likert 5 mức độ nhằm đánh giá mức độ quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối Trường Đại học Bạc Liêu. Trong mô hình nghiên cứu này, có 7 biến độc lập bao gồm 33 biến quan sát và 1 biến phụ thuộc bao gồm 5 biến quan sát. Do đó, số mẫu cần thiết là $38 \times 5 = 190$ mẫu trở lên. Vậy số lượng mẫu dùng cho khảo sát là 307 mẫu, nên tính đại cho mẫu là đảm bảo cho khảo sát. Mẫu số liệu được thu thập theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện.

Nghiên cứu sử dụng các phân tích trên SPSS 22.0 như Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, hàm hồi quy tuyến tính để đưa ra mô hình và kiểm định T-test.

2.3 Mô hình nghiên cứu đề xuất

Khởi nghiệp được hiểu là việc bắt đầu một nghề nghiệp, mà hình thức thường thấy là thành lập một doanh nghiệp. Cá nhân có ý định tự mình làm chủ để kinh doanh một lĩnh vực nào đó. Hay có thể hiểu khởi nghiệp chính là

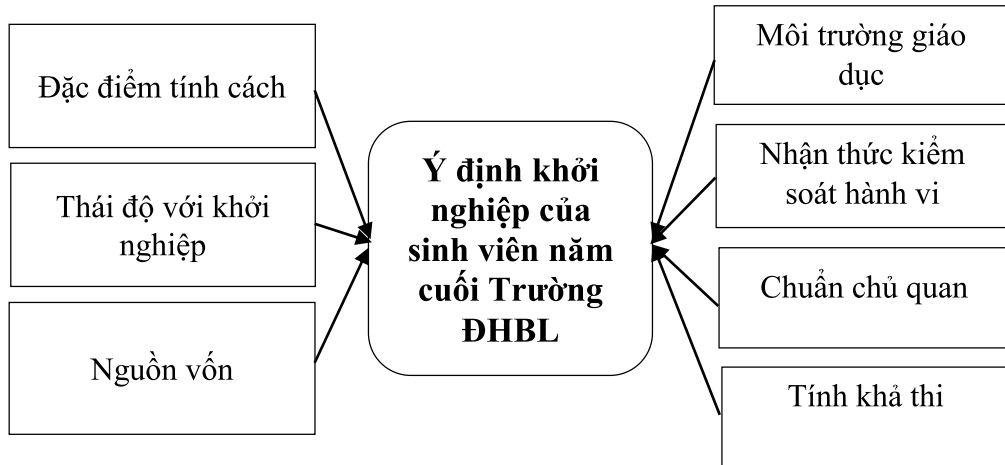
quá trình hiện thực các ý tưởng bán hàng, gồm cả giai đoạn thành lập, vận hành công ty và duy trì và phát triển doanh nghiệp. Khởi nghiệp đã được xác định rõ là hành vi quản lý, khai thác đáng tin cậy các cơ hội để tạo ra kết quả vượt ra ngoài khả năng của chính mình (Kristiansen và Indarti, 2004).

Trên cơ sở lý thuyết và cùng lược khảo tài liệu của các bài nghiên cứu có liên quan, tác giả nhận thấy các nghiên cứu có những yếu tố phù hợp và tác động mạnh đến ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối của trường Đại học Bạc Liêu bao gồm đặc điểm tính cách, thái độ với khởi nghiệp, nguồn vốn, môi trường giáo dục, nhận thức kiểm soát hành vi, chuẩn chủ quan, tính khả thi. Vì tác giả nhận thấy rằng các yếu tố này phù hợp với bối cảnh thực tế tại Thành phố Bạc Liêu. Từ đó, tác giả sẽ tiến hành nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối của trường Đại học Bạc Liêu.

Các nghiên cứu trước đây tập trung làm rõ các ý định khởi nghiệp của sinh viên dựa vào các lý thuyết như thuyết hành động hợp lý (TRA), thuyết hành vi kế hoạch (TPB), thuyết sự kiện khởi nghiệp (SEE),... Ở Việt Nam, hầu hết các tác giả đều kế thừa các mô hình trên đưa ra lập luận đề xuất mô hình nghiên cứu cho riêng mình để đánh giá các ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên như Hoàng Thị Thương (2014), Ngô Thị Mỹ Châu (2018), Phạm Thị Quế Phương (2018), Nguyễn Văn Định (2020), Hiền V.V and Trang L.H.V (2020),... tác giả đã tìm hiểu và khảo sát các ý định của sinh viên nhằm hiểu rõ thêm về các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp. Từ những khung lý thuyết đã được các tác giả tiên phong nghiên cứu, cùng là nghiên cứu về ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Tác giả dựa trên mô hình nghiên cứu của các bài nghiên cứu trên đề xuất mô hình nghiên cứu với biến phụ thuộc đến ý định khởi nghiệp là chọn ra 7 biến độc lập tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Bạc Liêu. Như vậy, mô hình nghiên cứu đề xuất gồm 7 yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên sắp tốt nghiệp trường Đại học Bạc Liêu bao gồm: (1) Đặc điểm tính cách, (2) Thái độ với khởi nghiệp, (3) Nguồn vốn, (4) Môi trường giáo dục, (5) Nhận thức kiểm soát hành vi, (6) Chuẩn chủ quan, (7) Tính khả thi

Hình 1: Mô hình đề xuất nghiên cứu



3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thống kê mẫu nghiên cứu

Số phiếu phát ra là 307 phiếu, thu hồi lại được 307 phiếu, đạt tỷ lệ 100%. Kết quả này dùng để thống kê mẫu nghiên cứu và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối trường Đại học Bạc Liêu.

3.2. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Qua kết quả phân tích đánh giá độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha ta thấy: Các thang đo đều có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6. Kết quả kiểm định thang đo của 7 nhân tố như sau:

+ Đặc điểm tính cách: Gồm 5 biến quan sát

là TC1, TC2, TC3, TC4, TC5.

+ Thái độ với khởi nghiệp: Gồm 5 biến quan sát là TD1, TD2, TD3, TD4, TD5.

+ Nguồn vốn: Gồm 4 biến quan sát là NV1, NV2, NV3, NV4.

+ Môi trường giáo dục: Gồm 6 biến quan sát là GD1, GD2, GD3, GD4, GD5, GD6.

+ Nhận thức kiểm soát hành vi: Gồm 5 biến quan sát là NT1, NT2, NT3, NT4, NT5.

+ Chuẩn chủ quan: Gồm 4 biến quan sát là CQ1, CQ2, CQ3, CQ4

+ Tính khả thi: Gồm 4 biến quan sát là KT1, KT2, KT3, KT4.

Bảng 1: Hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo

Biến quan sát	Biến đặc trưng	Biến bị loại	Cronbach's Alpha
Đặc điểm tính cách	5	-	0,839
Thái độ với khởi nghiệp	5	-	0,835
Nguồn vốn	4	-	0,796
Môi trường giáo dục	6	-	0,853
Nhận thức kiểm soát hành vi	5	-	0,840
Chuẩn chủ quan	4	-	0,789
Tính khả thi	4	-	0,791

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả (2023)

3.3. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Kết quả kiểm định KMO và Bartlett các biến độc lập cho chỉ số KMO là 0,886 > 0,5 và mức ý nghĩa

bằng 0 (sig = 0,000). Vì vậy, có thể kết luận phân tích nhân tố để nhóm các biến lại với nhau là thích hợp và dữ liệu phù hợp cho việc phân tích nhân tố.

Bảng 2: Kết quả kiểm định KMO và Bartlett biến phụ thuộc

Hệ số KMO (Kaiser – Meyer – Olkin)		0,886
Mô hình kiểm tra của Bartlett	Giá trị chi bình phương	3101,369
	Bậc tự do	406
	Sig – mức ý nghĩa	0,000

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả (2023)

Như vậy, qua 5 lần thực hiện phương pháp rút trích Principal Component và phép quay Varimax, kết quả các nhóm được gom lại lần cuối như sau:

Nhóm 1 (Môi trường giáo dục): có 5 biến quan sát là GD1, GD2, GD3, GD4, GD5.

Nhóm 2 (Nguồn vốn): có 4 biến quan sát là NV1, NV2, NV3, NV4.

Nhóm 3 (Đặc điểm tính cách): có 4 biến

quan sát TC1, TC2, TC3, TC5.

Nhóm 4 (Tính khả thi): có 4 biến quan sát KT1, KT2, KT3, KT4.

Nhóm 5 (Nhận thức kiểm soát hành vi): có 4 biến quan sát NT1, NT2, NT4, NT5.

Nhóm 6 (Thái độ với khởi nghiệp): có 4 biến quan sát TD1, TD2, TD3, TD4

Nhóm 7 (Chuẩn chủ quan): có 4 biến quan sát CQ1, CQ2, CQ3, CQ4.

Bảng 3: Phân tích nhân tố EFA các biến độc lập lần cuối

	NHÂN TỐ						
	1	2	3	4	5	6	7
GD3	0,752						
GD5	0,750						
GD1	0,730						
GD2	0,684						
GD4	0,680						
NV2		0,768					
NV3		0,756					
NV1		0,738					
NV4		0,718					
TC5			0,783				
TC1			0,736				
TC2			0,732				
TC3			0,722				
KT4				0,806			
KT1				0,749			
KT3				0,737			
KT2				0,709			
NT1					0,803		
NT2					0,721		
NT4					0,703		
NT5					0,700		
TD1						0,757	
TD4						0,755	
TD2						0,714	
TD3						0,686	
CQ3							0,806
CQ1							0,747
CQ2							0,700
CQ4							0,656

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả (2023)

3.4. Phân tích nhân tố thang đo biến phụ thuộc

Bảng 4: Kiểm định KMO và Bartlett các biến phụ thuộc

Hệ số KMO (Kaiser – Meyer - Olkin)		0,835
Mô hình kiểm tra của Bartlett	Giá trị chi bình phương	445,237
	Bậc tự do	10
	Sig – mức ý nghĩa	0,000

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả (2023)

Bảng 4 cho thấy, kết quả kiểm định KMO và Bartlett biến phụ thuộc cho chỉ số KMO là $0,835 > 0,5$ và mức ý nghĩa bằng 0 (sig = 0,000).

Vì vậy, có thể kết luận phân tích nhân tố rất phù hợp với tập dữ liệu.

Bảng 5: Phân tích nhân tố EFA biến phụ thuộc

	Nhân tố
	1
YD1	0,776
YD3	0,765
YD2	0,758
YD5	0,742
YD4	0,732
Eigenvalue	2,849
Phương sai trích (%)	56,982

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả (2023)

Bảng 5 cho thấy có duy nhất một nhân tố được trích ra từ 5 biến quan sát được gọi là nhân tố ý định khởi nghiệp của sinh viên. Hệ số Eigenvalue là $2,849 > 1$, các biến đều có trọng số $> 0,5$ và phương sai trích đạt được 56,982% cho biết nhân tố rút trích giải thích được 56,982% sự biến thiên của dữ liệu. Vậy các biến quan sát trong thang đo ý định khởi nghiệp của sinh viên đều quan trọng và có ý nghĩa thiết thực.

Sau khi phân tích nhân tố khám phá (EFA) thì mô hình nghiên cứu lý thuyết chính thức điều chỉnh gồm 7 nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối của trường Đại học Bạc Liêu. Tác giả đưa mô hình nghiên cứu điều chỉnh như sau: bao gồm 1 biến phụ thuộc (Ý định

khởi nghiệp) và 7 biến độc lập: (1) Môi trường giáo dục, (2) Nguồn vốn, (3) Đặc điểm tính cách, (4) Tính khả thi, (5) Nhận thức kiểm soát hành vi, (6) Thái độ với khởi nghiệp, (7) Chuẩn chủ quan

3.5. Phân tích tương quan

Bảng 6 cho thấy, kết quả phân tích tương quan có sự tương quan chặt chẽ giữa biến phụ thuộc (Ý định khởi nghiệp) với 7 biến độc lập: (1) Môi trường giáo dục, (2) Nguồn vốn, (3) Đặc điểm tính cách, (4) Tính khả thi, (5) Nhận thức kiểm soát hành vi, (6) Thái độ với khởi nghiệp, (7) Chuẩn chủ quan. Hệ số tương quan đều có giá trị Sig = 0,000. Do đó, có thể đưa các biến độc lập này vào mô hình hồi quy để giải thích cho sự thay đổi của biến phụ thuộc

Bảng 6: Ma trận hệ số tương quan các biến trong mô hình

		YD	TC	TD	NV	GD	NT	CQ	KT
YD	Hệ số tương quan	1							
	Sig. (2-tailed)								
	N	307							
TC	Pearson Correlation	0,509**	1						
	Sig. (2-tailed)	0,000							
	N	307	307						
TD	Hệ số tương quan	0,592**	0,320**	1					
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000						
	N	307	307	307					
NV	Hệ số tương quan	0,592**	0,370**	0,349**	1				
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000					
	N	307	307	307	307				
GD	,533**	0,283**	0,361**	0,329**	1	0,533**			
	,000	0,000	0,000	0,000		0,000			
	N	307	307	307	307	307			
NT	Hệ số tương quan	0,539**	0,257**	0,362**	0,313**	0,353**	1		
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000			
	N	307	307	307	307	307	307		
CQ	Hệ số tương quan	0,426**	0,356**	0,321**	0,296**	0,369**	0,382**	1	
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000		
	N	307	307	307	307	307	307	307	
KT	Hệ số tương quan	0,457**	0,223**	0,328**	0,210**	0,220**	0,338**	0,387**	1
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
	N	307	307	307	307	307	307	307	307

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả (2023)

3.6. Phân tích hồi quy

Bảng 7: Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R ²	Hệ số R ² hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Hệ số Durbin Watson
1	0,829 ^a	0,687	0,680	0,37860	1,984
a. Biến độc lập: TC, TD, NV, GD, NT, CQ, KT					
b. Biến phụ thuộc: YD					

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả (2023)

Bảng 7 cho thấy, giá trị hệ số R² là 0,829 điều này có nghĩa là các biến độc lập trong mô hình giải thích được 82,9% sự biến thiên của ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối Trường Đại học Bạc Liêu, còn lại 17,1% được giải thích bởi các yếu tố khác không có trong mô hình này.

Giá trị hệ số R² hiệu chỉnh là 0,687 nhỏ hơn

R² chưa hiệu chỉnh là 0,829. Hệ số R² hiệu chỉnh của mô hình là 68,7% cho thấy mức độ phù hợp của mô hình tương đối tốt và sự phù hợp này chỉ đúng với dữ liệu mẫu này. Do đó cần tiến hành kiểm định độ phù hợp của mô hình này.

Kiểm định Durbin Watson = 1,984 nằm trong khoảng $[1 < D < 3]$ nên không có hiện tượng tương quan của các phần dư.

Bảng 8: Kiểm định độ phù hợp của mô hình

Mô hình	Tổng bình phương	Bậc tự do	Trung bình bình phương	F	Sig.
1	Hồi quy	94,252	7	13,465	93,934
	Phần dư	42,859	299	0,143	
	Tổng	137,111	306		

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả (2023)

Bảng 8 cho thấy, giá trị Sig rất nhỏ (Sig = 0,000 < 0,05) điều này có nghĩa là các biến độc lập trong mô hình có tương quan tuyến tính với

biến phụ thuộc, tức là sự kết hợp của các biến độc lập có thể giải thích được sự thay đổi của biến phụ thuộc.

Bảng 9: Thông số thống kê từng biến trong mô hình

Mô hình		Hệ số chưa chuẩn hoá		Hệ số chuẩn hoá	t	Sig.	Thông kê đa cộng tuyến	
		B	Sai số chuẩn	Beta			Độ chấp nhận	Hệ số VIF
1	(Hằng số)	-0,278	0,167		-1,667	0,097		
	TC	0,173	0,034	0,189	5,136	0,000	0,769	1,300
	TD	0,213	0,034	0,240	6,301	0,000	0,723	1,383
	NV	0,228	0,030	0,280	7,541	0,000	0,757	1,322
	GD	0,180	0,033	0,201	5,372	0,000	0,747	1,338
	NT	0,187	0,037	0,192	5,075	0,000	0,729	1,372
	CQ	-0,017	0,039	-0,017	-0,439	0,661	0,690	1,450
	KT	0,176	0,037	0,175	4,771	0,000	0,780	1,283

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả (2023)

Phương trình hồi quy theo hệ số Beta chuẩn hoá được trình bày như sau:

$$Y = 0,189*TC + 0,240*TD + 0,280*NK + 0,201*GD + 0,192*NT - 0,017*CQ + 0,175*KT$$

Căn cứ vào trị tuyệt đối của hệ số hồi quy chuẩn hoá biết được biến X nào ảnh hưởng mạnh hay yếu đến biến Y. Trị tuyệt đối hệ số β càng lớn thì tầm quan trọng của biến đối với Y càng lớn. Hệ số hồi quy beta khi mang dấu dương nghĩa là biến độc lập tác động thuận chiều với biến phụ thuộc, hệ số hồi quy mang dấu âm nghĩa là biến độc lập tác động ngược chiều với biến phụ thuộc. Có thể thấy rằng, giá trị beta của yếu tố “Nguồn vốn” là cao nhất ($\beta = 0,280$), do đó đây là yếu tố tác động mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp của sinh viên, thứ hai là Thái độ với khởi nghiệp ($\beta = 0,240$), thứ ba là Môi trường giáo dục ($\beta = 0,201$), thứ tư là Nhận thức kiểm soát hành vi ($\beta = 0,192$), thứ năm là Đặc điểm tính cách ($\beta = 0,189$), thứ sáu là Tính khả thi ($\beta = 0,175$), cuối cùng là yếu tố Chuẩn chủ quan ($\beta = -0,017$) tác động yếu nhất đến ý định khởi nghiệp.

Kết quả cho chúng ta thấy:

- 06 nhân tố Đặc điểm tính cách, Thái độ với khởi nghiệp, Nguồn vốn, Môi trường giáo dục, Nhận thức kiểm soát hành vi, Tính khả thi đều ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp vì trọng số hồi quy đều có ý nghĩa thống kê (Sig. <0,05). Cả 06 nhân tố này đều có tác động cùng chiều với ý định khởi nghiệp (Hệ số Beta > 0). Điều này có nghĩa rằng khi Đặc điểm tính cách, Thái độ với khởi nghiệp, Nguồn vốn, Môi trường giáo dục, Nhận thức kiểm soát hành vi, Tính khả thi càng cao và các ý kiến thuộc về tiêu chuẩn chủ quan càng tích cực thì Ý định khởi nghiệp của sinh viên sẽ càng cao. Tiếp theo, để so sánh tác động của từng nhân tố lên biến phụ thuộc ý định khởi nghiệp (YD). Chúng ta xem xét hệ số Beta đã chuẩn hóa. Nếu giá trị tuyệt đối Beta đã chuẩn hóa của nhân tố nào càng lớn thì nhân tố đó tác động càng mạnh lên ý định khởi nghiệp (YD). Kết quả cho thấy sự tác động của Nguồn vốn lên ý định khởi nghiệp là mạnh nhất (Beta chuẩn hóa = 0,280), thứ hai là Thái độ với khởi nghiệp (Beta chuẩn hóa = 0,240), thứ ba là Môi trường giáo dục (Beta chuẩn hóa = 0,201), thứ

tư là Nhận thức kiểm soát hành vi (Beta chuẩn hóa = 0,192), thứ năm là Đặc điểm tính cách (Beta chuẩn hóa = 0,189), thứ sáu là Tính khả thi (Beta chuẩn hóa = 0,175).

- Riêng nhân tố Chuẩn chủ quan Sig. = 0,661 > 0,05, đồng nghĩa với việc nhân tố này không có ảnh hưởng đến Ý định khởi nghiệp và sẽ bị loại ra khỏi phương trình hồi quy. Phương trình hồi quy được viết lại như sau:

$$Y = 0,189*TC + 0,240*TD + 0,280*NK + 0,201*GD + 0,192*NT + 0,175*KT$$

Sau khi thực hiện các kiểm định: Kiểm định ý nghĩa của hệ số hồi quy, kiểm định độ phù hợp, kiểm định đa cộng tuyến, kiểm định sự tương quan, kiểm định phương sai số thay đổi cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính bội có thể áp dụng vào thực tế với mức ý nghĩa 5%. Phương trình hồi quy bội đã chuẩn hoá thể hiện mức độ tác động của các yếu tố đối với ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối Trường Đại học Bạc Liêu như sau:

Ý định khởi nghiệp = 0.189*Đặc điểm tính cách + 0.240*Thái độ với khởi nghiệp + 0.280*Nguồn vốn + 0.201*Môi trường giáo dục + 0.192*Nhận thức kiểm soát hành vi + 0.175*Tính khả thi.

4. Kết luận

4.1. Kết luận

Với 307 bảng câu hỏi khảo sát được phát ra và đã thu hồi về 307 bảng khảo sát hợp lệ. Nhóm tác giả tiến hành phân tích với những số liệu sau khi khảo sát. Kết quả như sau: Kết quả nghiên cứu cho thấy có 6 nhân tố liên quan đến ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối tại Trường Đại học Bạc Liêu. Yếu tố Nguồn vốn với hệ số ảnh hưởng (Beta = 0,280) là nhân tố tác động mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp của sinh viên, tiếp theo là Thái độ với khởi nghiệp với hệ số ảnh hưởng (Beta = 0,240), Môi trường giáo dục với hệ số ảnh hưởng (Beta = 0,201), Nhận thức kiểm soát hành vi với hệ số ảnh hưởng (Beta = 0,192), Đặc điểm tính cách với hệ số ảnh hưởng (Beta = 0,189), Tính khả thi với hệ số ảnh hưởng (Beta = 0,175)

4.2. Hàm ý quản trị

Yếu tố về nguồn vốn

Ngoài những nguồn vốn sẵn có, vay mượn bạn bè người thân cũng là một biện pháp để tích lũy vốn trong quá trình khởi nghiệp hoặc có thể huy động vốn từ các nhà đầu tư. Để tạo được nguồn vốn khởi nghiệp thì cơ quan quản lý đóng một vai trò quan trọng để sinh viên có thể tiếp cận nguồn vốn bằng nhiều cách như: giảm lãi suất cho vay, phê duyệt dự án nhanh.

Đồng thời, nhà trường nên có chính sách để hỗ trợ các hoạt động, các ý tưởng, dự án khởi nghiệp của sinh viên trong trường; đồng thời xây dựng quỹ hỗ trợ khởi nghiệp từ nguồn kinh phí xã hội hóa. Phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức các hoạt động giao lưu, khởi nghiệp; tổ chức các hoạt động thực tập, trải nghiệm tại doanh nghiệp để tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp cận với các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thực tế, các bạn sinh viên còn trẻ, chưa có kinh nghiệm cũng như nguồn vốn ổn định nên việc kêu gọi vốn đầu tư để thực hiện hoá ý tưởng thực sự rất khó khăn. Nhà trường có thể kết nối với doanh nghiệp, nhà đầu tư hình thành nguồn quỹ khởi nghiệp cho sinh viên. Sự đồng hành của các doanh nghiệp hỗ trợ về mặt tài chính để triển khai các dự án kinh doanh có tính khả thi là rất cần thiết, góp phần biến ý tưởng kinh doanh sáng tạo, những đề án khởi nghiệp có thể trở thành hiện thực, từ đó thúc đẩy phong trào khởi nghiệp của sinh viên. Khi ý tưởng của sinh viên lọt vào “tầm ngắm” của các nhà đầu tư, khi đó cơ hội thành công của sinh viên sẽ lớn hơn rất nhiều so với việc chỉ tập trung vào tìm nguồn vốn. Hơn nữa, nhà trường nên xây dựng các vườn ươm doanh nghiệp, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, xây dựng chương trình, chính sách hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo,... để tư vấn cho sinh viên có ý định khởi nghiệp

Yếu tố thái độ với khởi nghiệp

Để tạo hứng thú, khơi dậy thái độ với khởi nghiệp nhà trường cần thiết lập các nhóm, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp tại trường, tại các khoa chuyên môn, nhằm nâng cao thái độ của từng sinh viên, từng nhóm sinh viên đối với các ý tưởng khởi nghiệp. Tăng cường các cuộc gặp gỡ, trao đổi với các doanh nhân hay những tấm

gương đã thành công trong kinh doanh, các mô hình kinh doanh tiêu biểu của tỉnh “nhà” Bạc Liêu để được chia sẻ những kinh nghiệm, có thể lường trước được những rủi ro, thử thách sẽ xảy ra khi bắt đầu công việc của mình. Bên cạnh đó sinh viên cũng cần phải thay đổi tư duy và mục đích học tập tự tạo việc làm cho chính bản thân mình và xã hội. Những kiến thức được học trong nhà trường kết hợp với những kiến thức khởi nghiệp và thái độ tích cực với việc thành lập doanh nghiệp sẽ là hành trang nâng cao ngọn lửa khởi nghiệp của sinh viên.

Yếu tố môi trường giáo dục

Để tăng cảm nhận về môi trường giáo dục, ban lãnh đạo Trường Đại học Bạc Liêu cần tạo điều kiện tổ chức môi trường học tập tốt trang bị những kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp cho sinh viên tự tin, chủ động, những chương trình giáo dục gắn liền với khởi nghiệp và việc quản lý doanh nghiệp. Tạo mối liên kết chặt chẽ với cộng đồng doanh nhân và doanh nghiệp, kết nối với sinh viên thông qua các hoạt động tham quan thực tế doanh nghiệp, tiếp thu kinh nghiệm, thực tập và làm việc sau khi tốt nghiệp. Tăng cường các hoạt động truyền thông về các cuộc thi khởi nghiệp, kết nối doanh nghiệp để tổ chức ngày hội việc làm. Nếu triển khai tốt trong công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm, hỗ trợ khởi nghiệp trong ngành giáo dục thì bước đầu sẽ tạo động lực, hình thành ý thức, tinh thần doanh nhân, tinh thần khởi nghiệp.

Không chỉ riêng với nhà trường, sinh viên cũng phải thường xuyên rèn luyện kỹ năng, kinh nghiệm thực tế, kinh nghiệm làm việc,... để có thể bắt đầu cho việc khởi nghiệp của chính mình, như tham gia các cuộc thi, các câu lạc bộ, các khóa tập huấn về khởi nghiệp và một số hoạt động khởi nghiệp.

Yếu tố nhận thức kiểm soát hành vi

Nhà trường hỗ trợ trong việc cung cấp các kiến thức cơ bản về khởi nghiệp để sinh viên có cái nhìn tổng thể, tránh mơ hồ, vô định khi nghĩ đến việc khởi nghiệp. Nhà trường cần thiết kế các môn học trang bị những học phần khởi nghiệp nhiều hơn cho sinh viên như: Quản trị rủi ro, Quản trị dự án đầu tư, Quản trị chuỗi cung ứng, Nghệ thuật lãnh đạo,... những kỹ

năng mềm và đan xen trong những buổi học đó là các chuyên đề nhằm cung cấp thêm kiến thức khởi nghiệp cho sinh viên.

Trường học có thể cung cấp cho sinh viên các nguồn lực và hỗ trợ họ cần để thành công, trường học có thể tạo ra một môi trường khuyến khích và tôn vinh tinh thần kinh doanh. Trường học có thể dạy học sinh cách suy nghĩ chín chắn, giải quyết vấn đề và đưa ra quyết định có lợi cho những nỗ lực trong tương lai của họ.

Sinh viên phải biết quý trọng, tận dụng thời gian cho công việc khởi nghiệp của mình, cần phải có một kế hoạch cụ thể cho mục tiêu phát triển dự án kinh doanh, cũng đừng bao giờ lãng tránh công việc, cần phải nhanh nhẹn, nắm bắt thời cơ kịp thời thì quá trình khởi nghiệp mới có thể thành công.

Yếu tố đặc điểm tính cách

Các hoạt động ngoại khóa liên quan đến khởi nghiệp và kinh doanh cần được nhà trường xây dựng trong chương trình đào tạo, tạo nền tảng để sinh viên phát triển kỹ năng và gia tăng ý định khởi nghiệp. Đồng thời, cần tạo cơ hội cho sinh viên rèn luyện những tố chất cần thiết đối với một nhà quản trị như: bản lĩnh, tự tin, năng động, sáng tạo, có nghệ thuật tổ chức, quản lý, điều hành, qua đó, năng lực lãnh đạo được vun đắp, là động lực để phát triển ý định khởi nghiệp. Từ đó tích góp được những kinh

nhệm quý báu để làm nền tảng cho việc thúc đẩy ý định khởi nghiệp sau này

Yếu tố tính khả thi

Các sinh viên cần rèn luyện bản thân bằng cách trau dồi thêm các kiến thức, trao đổi với những người đi trước trong kinh doanh để lấy được những kinh nghiệm thiết thực ở thực tế.

Nếu một dự án được nhìn thấy là thích hợp từ các hiệu quả của quá trình nghiên cứu, tìm tòi thì bước hợp lý tiếp theo chỉ là việc tiến hành nó. Sinh viên cần chủ động tìm hiểu thông tin, tích cực tham gia các cuộc thi sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp sẽ mang lại nhiều cơ hội để sinh viên cọ sát với những người cùng đam mê, các doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Hãy chăm chút cho ý tưởng, dự án của chính mình. Nhà trường hỗ trợ trong việc cung cấp các kiến thức cơ bản và rõ ràng về khởi nghiệp để sinh viên có cái nhìn tổng thể, bao quát về hoạt động khởi nghiệp. Tác giả đưa ra một số giải pháp có thể giúp các trường xác định tính khả thi của việc khởi nghiệp cho sinh viên của mình. Chúng bao gồm cùng sinh viên tiến hành nghiên cứu thị trường, đánh giá các nguồn tài chính sẵn có và phát triển một kế hoạch khả thi. Bằng cách thực hiện các bước này, các trường học có thể đưa ra quyết định sáng suốt về việc bắt đầu kinh doanh có phải là bước đi đúng đắn cho sinh viên hay không.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ajzen, I., 1991. The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179–211.
- Báo cáo phân tích thị trường khởi nghiệp Việt Nam. (04/01/2023). <https://ocd.vn/bao-cao-phan-tich-thi-truong-khoi-nghiep-viet-nam/>.
- Châu N.T.M, (2018). *Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên ngành Công nghệ thông tin tại Thành phố Hồ Chí Minh*. [Luận văn Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh, Trường Đại Học Ngoại Ngữ Tin Học Thành phố Hồ Chí Minh]. Việt Nam.
- Định N.V. (2020). Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Nam Cần Thơ. *Tạp chí khoa học Đại học mở Thành phố Hồ Chí Minh – Kinh tế và Quản trị kinh doanh*, trang số 52. DOI: 10.46223/HCMCOUJS
- Hiền V.V and Trang L.H.V, (2020). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Tiền Giang. *Tạp chí khoa học Đại học mở Thành phố Hồ Chí Minh*, trang số 170. DOI: 10.46223/HCMCOUJS.
- Hùng L.Q, (2017). *Phân tích dữ liệu trong kinh doanh*. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Hồ Chí Minh.

- Hương T.H.D. (2022). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế thuộc địa bàn Thành Phố Hà Nội. *Tạp chí khoa học và Đào tạo ngân hàng*, Số 236 + 237.
- Phương P.T.Q, (2018). *Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên tại các trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*. [Luận văn Thạc Sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh]. Việt Nam.
- Thọ N.Đ (2012). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. Nhà xuất bản khoa học Hà Nội.
- Thực trạng khởi nghiệp của sinh viên hiện nay. (03/01/2023). <https://startupdanang.vn/tin-tuc-su-kien/chi-tiet/chi-tiet/thuc-trang-khoi-nghiep-cua-sinh-vien-hien-nay>.
- Thương H. T, (2014). *Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Lao động – Xã hội*. [Luận văn Thạc Sĩ Quản Trị Kinh doanh, Trường Đại Học Mở Thành phố Hồ Chí Minh]. Việt Nam.
- Trọng H and Ngọc C.N.M, (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, tập 1 – 2*. Nhà xuất bản Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.